TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/DS-ST
Ngày: 30 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phương

2. Bà Nguyễn Thị Vòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018; tại Hội trường của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXXST-DS ngày 22/10/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 42/2018/QĐST-DS ngày 07/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh B**,** sinh năm: 1966 và bà Nguyễn Thị Diệu H; địa chỉ cư trú: Số , phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh Phan Trung N, sinh năm: 1975; địa chỉ cư trú: Tổ , tổ dân phố , phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị D (mẹ của N); địa chỉ cư trú: Tổ , tổ dân phố , phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2018, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn ông B, bà H trình bày:

Ông B, bà H là khách hàng thường xuyên của Ngân hàng A chi nhánh Quảng Bình, lúc đó anh N là cán bộ của Ngân hàng có mượn tiền trong thời gian ngắn của ông, bà để đáo nợ cho khách hàng. Do tin tưởng ông bà đã cho anh N mượn tiền ba lần thể hiện tại ba Giấy vay tiền với tổng số tiền là 495.000.000 đồng cụ thể như sau:

1. Giấy vay tiền với số tiền vay 300.000.000 đồng. Vay từ ngày 26/11/2015 đến 02/12/2015.

2. Giấy vay tiền với số tiền vay 95.000.000 đồng. Vay từ ngày 27/11/2015 không nói đến thời gian trả tiền vay.

3. Giấy vay tiền ngày 14/01/2016, số tiền vay 100.000.000 đồng. Vay từ ngày 14/01/2016 đến 19/01/2016.

Khi vay hai bên không ghi rõ lãi suất trong giấy vay nhưng thoả thuận miệng hai bên anh N sẽ trả lãi suất theo Ngân hàng. Số tiền này khi đến hạn ông, bà đã đòi anh N nhiều lần nhưng anh N lấy lý do khách hàng chưa trả nên xin khất lần này đến lần khác. Đến ngày 29/6/2016 mẹ anh N bà D viết giấy bảo lãnh trả thay anh N. Vì vậy đề nghị Toà án buộc anh N, bà D phải trả tiền gốc là 495.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên toà ông B, bà H yêu cầu anh N trả số tiền gốc, tiền lãi không yêu cầu.

* Qua quá trình giải quyết vụ án Toà án đã trập anh N nhiều lần nhưng anh không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án. Sau đó Toà án đã xác minh tại mẹ của anh N, bà D và chính quyền địa phương nơi anh N cư trú để xác minh lý do vì sao anh N không đến Toà án theo giấy triệu tập. Qua xác minh xác định được anh N hiện nay không có mặt tại nơi cư trú đi đâu làm gì gia đình và chính quyền địa phương không biết.

* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị D trình bày: Việc N con bà mượn tiền bà không biết sau đó đến nhà đòi nhiều lần bà mới biết, và ép bà viết giấy chỉ có nội dung *"đứng ra thanh toán tiền cho anh N mượn của anh B"*. Hiện N đi đâu bà không biết, không có liên quan đến việc vay tiền của anh N nên không đồng ý trả tiền cho ông B thay anh N.

***** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên toà. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; xử: Buộc anh Phan Trung N phải trả cho ông Nguyễn Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Diệu Hằng số tiền gốc 495.000.000 đồng. Về tiền lãi ông B, bà H không yêu cầu nên Toà án không xem xét. Về án phí anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", tranh chấp phát sinh giữa cá nhân và cá nhân, và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì "*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*". Căn cứ vào ba Giấy vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn như ông B, bà H đã xuất trình cho Toà án đến nay chưa quá 03 năm nên thời hiệu khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về việc vắng mặt của anh N: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có ông B, bà H đến Tòa án làm bản tự khai. Sau đó, Toà án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có ông B và bà H có mặt còn anh N, bà D vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân tối cao quy định: "*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung..."*. Như vậy, hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa ông B, bà H và anh N đã ghi đầy đủ địa chỉ của anh N và thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông B, bà H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn không có mặt tại Toà án. Qua xác minh bằng văn bản tại mẹ anh N, Công an phường Đ và UBND phường Đ, hiện anh N không

có mặt tại địa phương đi đâu làm gì, gia đình và địa phương không biết nên lập biên bản về việc không thể tống đạt được các văn bản tố tụng cho anh N. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án số 90/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 để xét xử vào ngày 07/11/2018, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho ông B, bà H và anh N, bà D theo quy định của Điều 172 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N, bà D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2018/QĐST-DS ngày 07/11/2018 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 30/11/2018 và tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự trong vụ án theo quy định của Điều 172 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 30/11/2018, bị đơn anh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D tiếp tục vắng mặt lần thứ hai. HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh N, bà D,

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc 495.000.000 đồng của nguyên đơn thấy:

Quá trình hoà giải anh N không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án nhưng căn cứ vào ba Giấy vay tiền được ký kết giữa ông B, bà H và anh N. Giấy vay tiền với số tiền vay 300.000.000 đồng, vay từ ngày 26/11/2015 đến 02/12/2015. Giấy vay tiền với số tiền vay 95.000.000 đồng, vay từ ngày 27/11/2015 không nói đến thời gian trả tiền vay. Giấy vay tiền ngày 14/01/2016, số tiền vay 100.000.000 đồng, vay từ ngày 14/01/2016 đến 19/01/2016. Với tổng số tiền của ba Giấy vay tiền là 495.000.000 đồng, số tiền này ông B, bà H đã đòi nhiều lần nhưng anh N không trả mà cứ hẹn lần này đến lần khác. Sau đó đến ngày 29/6/2016 bà D viết giấy có nội dung *"đứng ra thanh toán tiền cho anh N mượn của anh B"*, bà D cho rằng do ông B ép buộc viết giấy trên nên bà không đồng ý trả thay cho anh N. Và giấy bà D viết chỉ nói trả nợ không không nói rỏ trả bao nhiêu, khoản nợ nào, hơn nữa tại phiên toà ông B, bà H không yêu cầu bà D trả mà chỉ yêu cầu anh N trả nợ. Do đó, giấy viết tay giữa ông B và bà D nên không có căn cứ.

Như vậy căn cứ vào ba Giấy vay tiền trên xác định được anh N đã vay của ông B, bà H với số tiền 495.000.000 đồng. Các giao dịch dân sự giữa các bên có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của Điều 122 Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết sự kiện, tài liệu văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Căn cứ các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên ba giấy vay tiền được ký kết giữa ông B, bà H và anh N có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thi hành. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông B, bà H buộc anh N phải trả số tiền 495.000.000 đồng cho ông B, bà H.

[2.2] Về tiền lãi: Phía nguyên đơn ông B, bà H không yêu cầu nên Toà án không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước với tổng số tiền 495.000.000 đồng là 20.000.000 đồng và nhân với x 4% của phần vượt quá 400.000.000 đồng; cụ thể: 95.000.000đ x 4% = 3.800.000 đ + 20.000.000đ = 23.800.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Diệu H không phải chịu án phí hoàn trả lại số tiền án phí ông B, bà H đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 121, 122, 123, 124, 471, 473, 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Diệu H. Buộc anh Phan Trung N phải trả cho ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Diệu H số tiền gốc 495.000.000 đồng. (Bốn trăm, chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tiền lãi: Phía nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Diệu H không yêu cầu nên Toà án không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Xử buộc anh Phan Trung N phải chịu 23.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Diệu H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị Diệu H 11.900.000 đồng số tiền tạm ứng án phí ông B, bà H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000512 ngày 10/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP.Đồng Hới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc